

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 762/2022/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 3 năm 2023; giữa:

-.Nguyên đơn: chị Thị Ngọc M, sinh năm:2001 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp NB, xã Nc, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: Anh Danh Th, sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú ấp NB, xã Nc, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị Ngọc M trình bày: chị và anh Danh Th tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị và anh Th không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh Th nhiều lần đánh đập chị. Chị đã cố gắng cam chịu, lựa lời khuyên nhủ và cho anh Th cơ hội, hy vọng anh Th biết suy nghĩ, sửa đổi lại bản thân. Nhưng suốt bao năm qua, anh Th vẫn không thay đổi, ngày càng đánh đập chị nhiều hơn. Nhận thấy giữa chị và anh Th không thể nào tiếp tục chung sống hạnh phúc, lâu dài nên chị yêu cầu ly hôn anh Th. Về con chung, chị và anh Th có với nhau một con chung tên Danh Thị Ngọc M1, sinh ngày 04/12/2017, hiện nay con đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh Th không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị Ngọc M

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Thị Ngọc M và anh Danh Th tự tìm hiểu quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của chị M và anh Th là hợp pháp. Chị M cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, anh Th có hành vi bạo lực đối với chị. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và mất dần hạnh phúc gia đình, chị M và anh Th đã ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị M và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị M khởi kiện xin ly hôn anh Th là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

Về con chung: chị M xác định chị và anh Th có một con chung tên Danh Thị Ngọc M1, sinh ngày 04/12/2017. Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M1, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu M1 đang sống cùng với chị M, cháu vẫn phát triển tốt cũng như anh Th cũng không có ý kiến phản đối gì nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử

giao cháu Danh Thị Ngọc M1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị M không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: buộc chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung với anh Danh Th nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh Th với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Danh Th đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh Th vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh Th là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Thị Ngọc M và anh Danh Th tự tìm hiểu quen biết trước, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị M và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được chị M xác định trong quá trình khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án . Riêng anh Th không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhưng anh Th không có ý kiến phản đối. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày chị M là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Th có hành vi bạo lực gia đình. Hiện tại giữa M và anh Th đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2022 cho đến nay nên đời sống vợ chồng của chị M và anh Th không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm chị M khởi kiện, anh Th đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị M, anh Th đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Th là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn anh Th.

[2.2]Về con chung, chị M xác định chị và anh Th có một con chung tên Danh Trần Ngọc M1, sinh ngày 04/12/2017. Anh Th không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà chị M cung cấp là giấy khai sinh của M1, trên giấy thể hiện anh Th và chị M là cha mẹ của cháu. Từ đó, có cơ sở để xác định cháu Danh Trần Ngọc M1, sinh ngày 04/12/2017 là con chung của chị M và anh Th. Xét yêu cầu của chị M về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu M1 đang sống với chị M, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và bản thân anh Th cũng không có tài liệu chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án cũng như văn bản thể hiện ý kiến phản đối chị M không đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Danh Trần Ngọc M1, sinh ngày 04/12/2017 cho chị Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.2]Về tài sản chung và nợ chung: chị M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Th cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện Th vụ kiện khác.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003357 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Ngọc M được ly hôn với anh Danh Th.

2.Về con chung: xử giao cháu Danh Trần Ngọc M1, sinh ngày 04/12/2017, cho chị Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Anh Danh Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Thị Ngọc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003357 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Danh Th được tính kể từ nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương